

Bản án số: 62/2017/HSST  
Ngày 14 - 11 - 2017

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Anh Vũ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đức Tiến.
2. Ông Nguyễn Văn Năng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa:** Ông Phan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2017/TLST - HS ngày 05 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Phạm Ngọc T, sinh ngày 13 tháng 3 năm 1985; cư trú tại: Thôn M, xã Đ, huyện S, Thành phố H; trình độ văn hóa: 07/12; nghề nghiệp: tự do; con ông Phạm Văn N (đã chết) và bà Lê Thị V; có vợ là Nguyễn Thị M và có 01 con sinh năm 2009; Tiền án: Có 03 tiền án

- Tại bản án hình sự số 221 ngày 24/10/2010, Tòa án nhân dân quận C, thành phố H xử phạt bị cáo T 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong ngày 20/2/2011, chấp hành xong án phí hình sự ngày 24/11/2010.

- Tại bản án hình sự số 16 ngày 18/01/2012, Tòa án nhân dân quận B, thành phố H xử phạt bị cáo T 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong ngày 21/6/2012, chấp hành xong án phí hình sự ngày 04/4/2012.

- Tại bản án hình sự số 09 ngày 11/02/2015, Tòa án nhân dân quận L, thành phố H xử phạt bị cáo Tâm 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong ngày 27/02/2016.

Tiền sự: Không;

Về nhân thân:

- Tại Quyết định số 05, ngày 21/7/2007 bị cáo bị Công an huyện A, thành phố H xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi chiếm giữ trái phép tài sản (bị cáo đã nộp phạt xong ngày 22/11/2007).

- Tại Quyết định số 209, ngày 16/4/2008 bị cáo bị Công an huyện S, Thành phố H xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc (bị cáo đã nộp phạt xong ngày 13/5/2008).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/7/2017 cho đến nay, “có mặt”.

Người bị hại: Anh Lê Văn Th, sinh năm 1983; cư trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”

### **NHẬN THẤY:**

Bị cáo Phạm Ngọc T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 23/7/2017, Phạm Ngọc T đi xe buýt số 01, Biển kiểm soát 88B - 001.50 tuyến Vĩnh Phúc đi Mê Linh Plaza – Hà Nội từ phường L – thành phố V để về nhà và đứng ở vị trí cuối xe. Khi xe buýt đến điểm dừng ở vòng xuyên khu công nghiệp Bình Xuyên thuộc địa phận Tổ dân phố T, thị trấn H, huyện B thì có khoảng 4-5 hành khách chen nhau xuống xe tại cửa sau. T phát hiện thấy anh Lê Văn Th đứng ở phía trước đang quay lưng về phía T cách khoảng 1m, miệng túi quần bỏ bên trái phía trước của anh Th để lộ đầu tập tiền nhô lên khỏi miệng túi có mệnh giá 500.000 đồng và 200.000 đồng nên T nảy sinh ý định trộm cắp. T bước theo những người xuống xe, khi đi qua vị trí của anh Th, T đi áp sát về phía bên trái người anh Th, dùng 5 ngón tay phải nhúm tập tiền ra khỏi túi quần anh Th rồi cuộn tập tiền này giấu trong lòng bàn tay phải đồng thời bước xuống xe. Ngay lúc này anh Th kiểm tra phát hiện bị mất tiền, đã nghi ngờ cho T trộm cắp tiền nên đã hô hoán mọi người đuổi theo. T bỏ chạy vào khu dân cư thuộc tổ dân phố T vào nhà bà Trần Thị B cách bên xe buýt khoảng 20m thì bị anh Th và một số người bắt được, tại đây T đã trả lại tập tiền cho anh Th. Sau đó anh Th báo công an đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng của vụ án là tập tiền gồm: 50 tờ mệnh giá 500.000 đồng, 03 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 100.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 50.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 20.000 đồng, 02 tờ mệnh giá 10.000 đồng, 02 tờ mệnh giá 5.000 đồng. Tổng cộng số tiền T trộm cắp được là 25.800.000 đồng, ngoài ra cơ quan điều tra còn thu giữ của T một ví giả da màu đen đã cũ bên trong có số tiền 1.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 60/KSĐT-KT ngày 05/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Phạm Ngọc T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phạm Ngọc T về tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù. Ngoài ra đại diện

Viện kiểm sát nhân dân huyện B còn đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

### **XÉT THẤY**

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phạm Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 23/7/2017, khi tuyến xe buýt số 01, biển kiểm soát 88B - 001.50 từ thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc đi Mê Linh Plaza – Hà Nội dừng đón trả khách tại bến xe buýt thuộc Tổ dân phố T, thị trấn H, huyện B. Lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác, Phạm Ngọc T đã có hành vi trộm cắp số tiền 25.800.000 đồng để trong túi quần bên trái phía trước của anh Lê Văn Th là hành khách đi cùng xe buýt. Sau khi trộm cắp được số tiền trên, T xuống xe buýt nhưng bị mọi người phát hiện, bắt quả tang và thu giữ tài sản trộm cắp đồng thời trả lại cho anh Th số tiền trên.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó có đủ cơ sở kết luận Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm khoản c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, không oan sai.

Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự quy định:

*“...2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:*

*...c, Tái phạm nguy hiểm....”*

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của hành khách đi xe buýt, lén lút trộm cắp tài sản là số tiền 25.800.000 đồng của anh Lê Văn Th. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Gây mất trật tự trị an tại địa phương và gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Do đó hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử phạt một cách nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt hội đồng xét xử cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Xét thấy:

Bị cáo là người có nhân thân xấu, trong thời gian từ năm 2007 đến năm 2015 liên tiếp phạm tội và bị kết án, bản thân bị cáo có 03 tiền án về hành vi chiếm đoạt tài sản, lần gần nhất bị cáo bị Tòa án nhân dân quận L, Thành phố H

xử phạt 15 tháng tù về hành vi “trộm cắp tài sản” với tình tiết tăng nặng là “tái phạm” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Bị cáo đã không lấy đó làm bài học, ngay sau khi chấp hành xong hình phạt tù bị cáo lại tiếp tục phạm tội, vì vậy lần phạm tội này là “tái phạm nguy hiểm”, đây là tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Do đó bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xét thấy cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện.

Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 25.800.000 đồng là tiền mà bị cáo T trộm cắp của anh Th. Ngày 28/8/2017, cơ quan điều tra Công an huyện B đã trả lại cho anh Th. Anh Th đã nhận lại đầy đủ số tiền và không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 1.000.000 đồng (không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo) và 01 ví giả da màu đen cũ mà cơ quan điều tra đã thu giữ cần trả lại cho bị cáo T nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Bị cáo Phạm Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Điểm c Khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Ngọc T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo 23 tháng 7 năm 2017.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo T 01 ví giả da màu đen đã cũ, số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) nhưng tiếp tục tạm giữ số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) để đảm bảo thi hành án theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí. Buộc bị cáo Phạm Ngọc T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Viện KSND H.B;
- Công an H.B;
- Chi cục THADS H.B;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lê Anh Vũ**